

※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.
※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

- 국적법 시행규칙 [별지 제5호의2서식] <개정 2018. 5. 15.>
■ Thông tư hướng dẫn Luật Quốc tịch [Mẫu đính kèm số 5-2] <Sửa đổi 2018. 5. 15.>

외국국적불행사 서약서
GIẤY CAM KẾT KHÔNG SỬ DỤNG QUỐC TỊCH NƯỚC
NGOÀI TẠI HÀN

※ 어두운 난은 적지 마시고 []에는 해당되는 곳에 √ 표시를 합니다.
※ Không điền vào các ô màu tối và đánh dấu √ vào [] tương ứng.

접수번호 Số tiếp nhận	접수일 Ngày tiếp nhận	접수자 Người tiếp nhận	확인자 Người xác nhận
서약인 Người cam kết	성명(한글) (한자) Họ tên (chữ Hàn) (Chữ Hán)		성별 Giới tính [] 남 [] Nam [] 여 [] Nữ 사 진 3.5cm×4.5cm (모자 벗은 상반신으로 뒤 그림 없이 6개월 이내 촬영한 것) Ảnh 3.5cm×4.5cm (Ảnh chụp không quá 6 tháng, phần thân trên không đội mũ, không sử dụng phông nền)
	성명(외국명) Họ tên(tên nước ngoài)		생년월일 Năm, tháng, ngày sinh
	외국 국적 Quốc tịch nước ngoài		출생지 Nơi sinh
	전화번호 Số điện thoại		전자우편(E-mail) Thư điện tử (E-mail)
	주소 Địa chỉ		
	등록기준지 Nguyên quán		
서약유형 Loại cam kết	[] 「국적법」 제10조제2항 [] 제1호 [] 제2호 [] 제3호 [] 제4호 [] 제5호 [] Khoản 2 Điều 10 “Luật Quốc tịch” [] Điểm 1 [] Điểm 2 [] Điểm 3 [] Điểm 4 [] Điểm 5		
	[] 「국적법」 제13조 [] 제1항 [] 제2항 단서 [] Điều 13 “Luật Quốc tịch” [] Khoản 1 [] Khoản 2		
	[] 「국적법」 부칙(법률 제10275호) 제2조 [] 제1항 [] 제2항 [] Điều 2 Thông tư hướng dẫn bổ sung “Luật Quốc tịch” (Điều 10275 của Luật) [] Khoản 1 [] Khoản 2		

1. 본인은 대한민국 국적을 취득·선택·보유하는 것과 관련하여 다음과 같이 서약합니다.

1. Tôi xin cam kết những điều liên quan đến việc nhập quốc tịch, lựa chọn, giữ quốc tịch Hàn Quốc sau đây.

가. 대한민국 국민으로서의 의무를 충실히 이행하겠습니다.

A. Tôi sẽ nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ của mình với tư cách là một công dân Hàn Quốc.

나. 대한민국 내에서나 출입국을 할 때 대한민국 국민으로만 처우됨을 잘 알고 있으며, 외국여권을 사용하거나 외국인등록을 하는 등 외국 국적을 행사하지 않을 것입니다.

B. Tôi hiểu rõ rằng tôi sẽ chỉ được đãi ngộ như một công dân Hàn Quốc tại Hàn Quốc hoặc khi xuất nhập cảnh Hàn Quốc và tôi sẽ không sử dụng quốc tịch nước ngoài của mình như sử dụng hộ chiếu nước ngoài hay đăng ký người nước ngoài.

2. 만약 오늘 이후에 본인이 위 내용에 위배되는 행위를 할 경우에는 과태료 부과 등의 제재를 포함하여 「국적법」 제14조의2에 따른 국적선택명령이나 「국적법」 제14조의3에 따른 국적상실 결정 등의 불이익을 감수할 것을 서약합니다.

2. Tôi xin cam kết nếu vi phạm những điều trên sau hôm nay, tôi sẽ chịu các chế tài như bị phạt tiền và các bất lợi theo Lệnh chọn quốc tịch theo Điều 14-2 của “Luật Quốc tịch” hoặc quyết định thôi quốc tịch theo Điều 14-3 của “Luật Quốc tịch”.

년 월 일
Năm tháng ngày

서약인
Người cam kết

(서명 또는 인)
(Kí tên hoặc đóng dấu)

○○출입국·외국인청(사무소·출장소)장 귀하

Kính gửi Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh, người nước ngoài (văn phòng chính, văn phòng chi nhánh) ○○